

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1058/TTLĐNN-TCLĐ

V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K28-SN17/2025

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K28-SN17/2025 (danh sách kèm theo) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

- + Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;
- + Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ;
- + Phương án và chi phí khám sức khỏe: Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ thông báo đến người lao động trước khi tham gia đào tạo định hướng.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày 30/10 đến ngày 13/11/2025;
- Thời gian làm thủ tục nhập học: 15h00 Thứ Tư ngày 29/10/2025;
- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội).

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- **Hồ sơ xin cấp visa**
 - + In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.moha.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2**

(01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản phô tô 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản phô tô trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Để ký Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo

Chương trình EPS:

+ Người lao động truy cập thông báo tổ chức khóa đào tạo tại website: www.colab.moha.gov.vn để xác nhận nguyện vọng chấp nhận hợp đồng và cung cấp các thông tin cần thiết.

+ Người lao động mang theo smart phone có thể kết nối internet 4G và sử dụng số điện thoại đã được định danh (đăng ký sim chính chủ) khi tham dự khóa đào tạo.

Trung tâm Lao động ngoài nước sẽ hướng dẫn nội dung cụ thể trong thời gian người lao động tham gia đào tạo.

- Những nội dung khác:

+ Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

+ Chuẩn bị 01 bản phô tô 02 mặt của CMND/CCCD;

+ Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **30/10/2025** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (*Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền*).

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý
Sở./. *q*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Ngọc Lan

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG
THAM GIA GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K28-SN17/2025**

(Kèm theo Công văn số 108/TTLĐNN-TCLĐ ngày 23/10/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
1	50338842	Phan Thị Kim Oanh	20/11/1999	Nữ	Kiên Giang	An Giang	K28SN17-01
2	50838642	Nguyễn Văn Trương	02/06/2001	Nam	Kiên Giang	An Giang	K28SN17-02
3	51032207	Đổng Khắc Hoàng	07/07/2002	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-03
4	51032405	Phạm Văn Đông	14/11/1997	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-04
5	50306962	Kiều Thị Trà My	29/09/2004	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-05
6	50307028	Vi Văn Ngọc	25/07/2000	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-06
7	50307052	Nguyễn Thanh Bình	15/08/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-07
8	50307295	Phan Văn Tú	01/12/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-08
9	50307297	Ngọc Anh Tuấn	13/12/2005	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-09
10	50307621	Ngô Ngọc Ánh	13/12/2003	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-10
11	50307641	Lục Văn An	11/08/1998	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-11
12	50307732	Lý Văn Nam	07/12/2001	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-12
13	50307753	Lăng Văn Bộ	21/06/1997	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-13
14	50307810	Trần Thị Mây	30/06/1993	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-14
15	50307823	Đào Đức Mạnh	31/01/2004	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-15
16	50307832	Hoàng Thị Dương	05/06/1998	Nữ	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-16
17	50307866	Bùi Văn Linh	10/05/1995	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-17
18	50307914	Nguyễn Tú Tuấn	18/09/1993	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-18
19	50307958	Hồ Văn Mạnh	12/05/1987	Nam	Bắc Giang	Bắc Ninh	K28SN17-19
20	50839711	Tô Thanh Vẹn	17/04/1998	Nam	Bạc Liêu	Cà Mau	K28SN17-20
21	50339802	Bùi Thanh Liêm	16/11/2001	Nam	Cà Mau	Cà Mau	K28SN17-21
22	50339803	Ngô Đình Khánh	19/04/2001	Nam	Cà Mau	Cà Mau	K28SN17-22
23	50339806	Nguyễn Thị Kiều Vy	10/01/2005	Nữ	Cà Mau	Cà Mau	K28SN17-23
24	50339814	Phạm Trung Hiếu	20/02/1999	Nam	Cà Mau	Cà Mau	K28SN17-24
25	50339856	Nguyễn Hữu Nghĩa	16/02/1993	Nam	Cà Mau	Cà Mau	K28SN17-25
26	50339933	Trần Diệu Hiền	29/03/1993	Nữ	Cà Mau	Cà Mau	K28SN17-26
27	50332505	Võ Quyết Thắng	01/08/1985	Nam	Đà Nẵng	Đà Nẵng	K28SN17-27
28	50332892	Lê Thị Thuý Dương	05/05/1996	Nữ	Quảng Nam	Đà Nẵng	K28SN17-28
29	50833310	Nguyễn Thanh Hà	04/11/1996	Nam	Bình Định	Gia Lai	K28SN17-29
30	50835119	Nguyễn Văn Hợp	20/05/1999	Nam	Gia Lai	Gia Lai	K28SN17-30
31	51030073	Hán Hoàng Long	21/05/2000	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K28SN17-31
32	51030257	Nguyễn Quang Trung	10/04/1998	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K28SN17-32
33	50300043	Nguyễn Văn Sơn	22/12/1998	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K28SN17-33
34	50300946	Khuất Văn Lý	12/10/2005	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K28SN17-34
35	50300950	Nguyễn Văn Tùng Dương	11/04/2005	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K28SN17-35
36	50301030	Nguyễn Mạnh Đại	16/07/2002	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K28SN17-36
37	50301035	Đỗ Hoàn Quý	12/05/1999	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K28SN17-37
38	50301041	Nguyễn Quang Minh	11/03/2001	Nam	Hà Nội	Hà Nội	K28SN17-38
39	50311535	Trần Thị Hằng	06/12/1995	Nữ	Thái Bình	Hà Nội	K28SN17-39
40	51037153	Phan Thị Linh	16/05/2003	Nữ	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K28SN17-40
41	50329358	Nguyễn Giang Nam	30/06/1993	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K28SN17-41



Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
42	50329360	Trần Văn Tài	12/05/1997	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K28SN17-42
43	50333522	Phạm Viết Đức	21/03/2000	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K28SN17-43
44	50333556	Sử Ngọc Cừ	27/05/1997	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K28SN17-44
45	50334022	Phạm Tư Duy	09/05/1997	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K28SN17-45
46	50334049	Nguyễn Đình Trường	20/05/2004	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K28SN17-46
47	50334074	Ngô Xuân Thành	06/11/2005	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K28SN17-47
48	50334109	Nguyễn Quang Ngọc	09/06/1994	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K28SN17-48
49	50334143	Nguyễn Văn Tuấn	05/10/1993	Nam	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	K28SN17-49
50	51030718	Phạm Thị Lan	08/03/2004	Nữ	Hải Dương	Hải Phòng	K28SN17-50
51	50302980	Trần Quang Tiếp	27/01/1990	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K28SN17-51
52	50302982	Phạm An Nam	11/02/1993	Nam	Hải Dương	Hải Phòng	K28SN17-52
53	50301525	Phạm Văn Tiến	26/03/1987	Nam	Hải Phòng	Hải Phòng	K28SN17-53
54	50301663	Nguyễn Thị Thu Trang	10/07/1995	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K28SN17-54
55	50301843	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	06/01/2002	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K28SN17-55
56	50301852	Vũ Thị Xuân Nhi	23/06/1999	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K28SN17-56
57	50301924	Phạm Thị Nhi	10/07/2004	Nữ	Hải Phòng	Hải Phòng	K28SN17-57
58	50303212	Đỗ Văn Bình	07/04/1990	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K28SN17-58
59	50303214	Đào Minh Đức	10/05/1996	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K28SN17-59
60	50303221	Nguyễn Văn Tráng	14/12/2001	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K28SN17-60
61	50303289	Đào Văn Sỹ	23/11/2005	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K28SN17-61
62	50303435	Phạm Ngọc Sơn	28/08/1996	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K28SN17-62
63	50303466	Nguyễn Đức Hoàng Anh	02/11/2002	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K28SN17-63
64	50303480	Phạm Văn Tăng	11/10/1997	Nam	Hung Yên	Hung Yên	K28SN17-64
65	50311313	Nguyễn Thị Hà Mi	15/12/1992	Nữ	Thái Bình	Hung Yên	K28SN17-65
66	50311346	Phạm Thu Huệ	11/10/2004	Nữ	Thái Bình	Hung Yên	K28SN17-66
67	50311373	Nguyễn Thị Mai Phương	28/12/1997	Nữ	Thái Bình	Hung Yên	K28SN17-67
68	50311461	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	01/09/2004	Nữ	Thái Bình	Hung Yên	K28SN17-68
69	50311537	Nguyễn Thị Hạnh	04/09/2002	Nữ	Thái Bình	Hung Yên	K28SN17-69
70	50311558	Trần Thị Hoa	07/12/2000	Nữ	Thái Bình	Hung Yên	K28SN17-70
71	50336602	Bùi Thị Thùy Trinh	21/06/2001	Nữ	Ninh Thuận	Khánh Hòa	K28SN17-71
72	50370305	Hứa Văn Đài	12/12/1986	Nam	Lạng Sơn	Lạng Sơn	K28SN17-72
73	50304210	Nguyễn Anh Tuấn	06/12/1992	Nam	Lào Cai	Lào Cai	K28SN17-73
74	50303741	Nguyễn Văn Chương	02/03/1998	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K28SN17-74
75	50303852	Trần Đức Mạnh	10/06/2002	Nam	Hà Nam	Ninh Bình	K28SN17-75
76	50303886	Trần Thị Hà	28/07/2004	Nữ	Hà Nam	Ninh Bình	K28SN17-76
77	50303890	Nhữ Thị Thùy Linh	21/12/2003	Nữ	Hà Nam	Ninh Bình	K28SN17-77
78	50303929	Nguyễn Thị Hường	05/12/1999	Nữ	Hà Nam	Ninh Bình	K28SN17-78
79	51033061	Đặng Thị Hiền	22/10/1993	Nữ	Nam Định	Ninh Bình	K28SN17-79
80	50310028	Hoàng Văn Biền	14/08/1996	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K28SN17-80
81	50310151	Đinh Văn Đạo	08/11/2005	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K28SN17-81
82	50310299	Trần Văn Biền	15/11/1994	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K28SN17-82
83	50310466	Trần Viết Trinh	21/11/1998	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K28SN17-83
84	50310497	Đinh Văn Huyền	30/08/2004	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K28SN17-84
85	50310790	Ngô Văn Sang	28/02/2001	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K28SN17-85

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
86	50310791	Trần Công Hinh	15/01/2004	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K28SN17-86
87	50341096	Trần Đức Khoa	28/03/1996	Nam	Nam Định	Ninh Bình	K28SN17-87
88	50311802	Đỗ Trung Hiếu	09/02/2003	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-88
89	50311865	Trịnh Tuấn Anh	16/12/2001	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-89
90	50311941	Nguyễn Nhật Minh	14/01/2004	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-90
91	50311943	Phạm Thế Đại	14/11/2002	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-91
92	50312155	Hoàng Văn Trường	11/07/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-92
93	50312177	Phạm Văn Thái	14/12/1994	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-93
94	50312180	Phạm Thanh Thế	24/06/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-94
95	50312181	Nguyễn Ngọc Luân	15/09/2005	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-95
96	50312216	Nguyễn Văn Tâm	03/12/1989	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-96
97	50312328	Phạm Mạnh Thái	06/02/1995	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-97
98	50312342	Nguyễn Văn Chung	31/10/1993	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-98
99	50312544	Trần Quang Huân	28/07/1986	Nam	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-99
100	50312652	Trần Thảo Khuyên	19/12/2005	Nữ	Ninh Bình	Ninh Bình	K28SN17-100
101	51036779	Phan Văn Thành	05/11/1993	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K28SN17-101
102	50323380	Trần Quốc Việt	09/01/2004	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K28SN17-102
103	50324003	Nguyễn Thế Mạnh	28/07/2002	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K28SN17-103
104	50325073	Phan Văn Vỵ	20/11/1998	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K28SN17-104
105	50325397	Thái Doãn Phương	24/02/2000	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K28SN17-105
106	50325811	Hồ Sỹ Công	15/05/1999	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K28SN17-106
107	50353517	Lê Xuân Quyền	14/09/1992	Nam	Nghệ An	Nghệ An	K28SN17-107
108	50309817	Bùi Thị Hương	28/11/2003	Nữ	Hòa Bình	Phú Thọ	K28SN17-108
109	51031842	Hà Thị Thu	11/01/1991	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-109
110	50305759	Đặng Thị Kiều Diễm	05/01/2003	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-110
111	50305788	Hà Thị Nhoài	26/05/2001	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-111
112	50305795	Nguyễn Thị Vân Anh	08/04/2004	Nữ	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-112
113	50305873	Hán Minh Hiếu	15/12/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-113
114	50305888	Nguyễn Thế Hưng	22/05/2002	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-114
115	50305903	Bùi Thanh Chung	04/08/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-115
116	50305984	Nguyễn Vũ Hoàng	12/10/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-116
117	50305999	Hà Quang Linh	21/04/2004	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-117
118	50306051	Mai Văn Định	29/05/2004	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-118
119	50306058	Đoàn Minh Thảo	09/04/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-119
120	50306451	Phùng Thế Quân	24/02/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-120
121	50306461	Nguyễn Thanh Tú	05/01/2005	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-121
122	50306481	Trương Văn Phương	30/08/2000	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-122
123	50306546	Hà Nội	24/01/2003	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-123
124	50313626	Nguyễn Văn Hoàng	17/03/2000	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-124
125	50370453	Hà Văn Chính	13/03/1994	Nam	Phú Thọ	Phú Thọ	K28SN17-125
126	50306761	Đào Ánh Linh	21/12/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	K28SN17-126
127	50306799	Trần Văn Hoàn	05/08/1989	Nam	Vĩnh Phúc	Phú Thọ	K28SN17-127
128	50309086	Trịnh Văn Khanh	19/06/1991	Nam	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K28SN17-128
129	50309303	Lê Thạch Thảo	24/10/1996	Nữ	Quảng Ninh	Quảng Ninh	K28SN17-129



Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
130	50333079	Võ Thị Mỹ Vang	20/08/2005	Nữ	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	K28SN17-130
131	50330055	Trần Hữu Tiến	18/10/1987	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-131
132	50330086	Trần Văn Quân	25/06/2001	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-132
133	50330266	Lê Hữu Thắng	26/11/2005	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-133
134	50330350	Hoàng Thị Thúy	11/04/2001	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-134
135	50330358	Phan Thị Nhung	01/12/2002	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-135
136	50330375	Nguyễn Thị Quỳnh Như	05/02/2005	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-136
137	50330377	Trần Thị Thùy	13/02/2002	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-137
138	50330402	Nguyễn Thị Nhi	01/01/2005	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-138
139	50330432	Phan Thị Hoài	19/01/2004	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-139
140	50330526	Trần Thị Thủy Tiên	13/04/2004	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-140
141	50330544	Trần Thị Quỳnh Như	15/04/1999	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-141
142	50330552	Bùi Thị Ánh Tuyết	20/02/1999	Nữ	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-142
143	50330647	Nguyễn Duy Dự	02/11/2004	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-143
144	50330826	Trần Quốc Toàn	11/02/1991	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-144
145	50356359	Nguyễn Thanh Sơn	23/07/2004	Nam	Quảng Bình	Quảng Trị	K28SN17-145
146	50331227	Nguyễn Văn Lộc	24/09/2001	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-146
147	50331265	Nguyễn Văn Phương	09/03/2001	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-147
148	50331382	Trần Văn Sỹ	10/07/1998	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-148
149	50331505	Lê Minh Hạ	06/02/1992	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-149
150	50331566	Hồ Duy Sáng	23/02/1997	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-150
151	50331660	Trần Minh Kỳ	12/01/1993	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-151
152	50331682	Nguyễn Viết Tân	13/01/1993	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-152
153	50331689	Nguyễn Phú Từ	01/05/1994	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-153
154	50331782	Hoàng Văn Đại	05/01/2001	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-154
155	50331815	Dương Thế Khánh	20/06/1996	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-155
156	50331909	Lê Bá Hiệu	02/12/2004	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-156
157	50332160	Võ Ngọc Sơn	16/03/1996	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-157
158	50357530	Phan Lê Đức Tiến	07/07/2003	Nam	Quảng Trị	Quảng Trị	K28SN17-158
159	50370922	Vàng A Tộng	08/03/1997	Nam	Sơn La	Sơn La	K28SN17-159
160	50337399	Huỳnh Minh Lộc	28/12/1997	Nam	Tây Ninh	Tây Ninh	K28SN17-160
161	50336807	Nguyễn Trúc Linh	25/09/1998	Nữ	TP Hồ Chí Minh	Tp Hồ Chí Minh	K28SN17-161
162	50332219	Nguyễn Thị Như Ý	18/11/1999	Nữ	TP Huế	Tp Huế	K28SN17-162
163	50332440	Lê Ngọc Khánh Linh	09/08/1993	Nữ	Tp Huế	Tp Huế	K28SN17-163
164	50304975	Nguyễn Thị Lâm Oanh	15/09/2003	Nữ	Tuyên Quang	Tuyên Quang	K28SN17-164
165	50305096	Đặng Thị Hải	28/02/2005	Nữ	Tuyên Quang	Tuyên Quang	K28SN17-165
166	50305430	Mạch Quang Linh	19/10/2002	Nam	Thái Nguyên	Thái Nguyên	K28SN17-166
167	50313976	Đoàn Thị Thủy	25/01/1998	Nữ	Thái Nguyên	Thái Nguyên	K28SN17-167
168	51033887	Đào Thị Na	12/11/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-168
169	51034125	Bùi Quốc Chung	09/08/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-169
170	51034157	Lê Duy Khánh	05/03/2000	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-170
171	51034324	Trần Văn Cử	06/08/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-171
172	51035093	Ngô Công Diện	20/02/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-172

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị nộp hồ sơ	Tỉnh/Tp hiện nay	Mã số HV
173	50314233	Trịnh Xuân Chiến	02/11/1998	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-173
174	50314497	Lê Văn Thái	06/08/1990	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-174
175	50314620	Nguyễn Viết Lâm	30/08/2001	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-175
176	50314670	Trịnh Xuân Cường	22/12/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-176
177	50315124	Quách Trọng Hoàng	28/09/1997	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-177
178	50315318	Lê Thị Ngọc Mai	20/08/2005	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-178
179	50315864	Phạm Văn Hải	10/07/2002	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-179
180	50316011	Đào Khả Nghị	12/09/1985	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-180
181	50316795	Đinh Thị Huyền Nga	03/08/2005	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-181
182	50317005	Nguyễn Văn Tiệp	22/01/1991	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-182
183	50318041	Lê Xuân Hoà	11/04/1993	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-183
184	50318069	Mai Văn Quyết	08/09/1999	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-184
185	50318810	Quách Thị Phương	13/06/1999	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-185
186	50319103	Vũ Thị Quỳnh	13/04/2000	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-186
187	50320062	Lê Đình Tuấn	16/11/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-187
188	50320675	Lê Văn Công	20/10/1996	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-188
189	50321216	Lê Văn Việt	20/01/1995	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-189
190	50321612	Đào Xuân Tường	10/05/2004	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-190
191	50321878	Lê Phú Nam	04/09/1994	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-191
192	50321966	Lê Trọng Phong	22/10/2005	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-192
193	50345460	Vũ Văn Trường	15/10/2003	Nam	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-193
194	50371130	Lương Thị Thủy	19/05/1997	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-194
195	50371265	Lục Thị Cưới	08/01/1996	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-195
196	50373782	Bùi Thị Kim Chi	14/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	Thanh Hóa	K28SN17-196
197	50838481	Nguyễn Hữu Luật	05/11/2006	Nam	Bến Tre	Vĩnh Long	K28SN17-197
198	50338436	Phan Mỹ Trân	24/02/2005	Nữ	Vĩnh Long	Vĩnh Long	K28SN17-198
199	50338441	Bùi Ngọc Mai	20/05/2000	Nữ	Vĩnh Long	Vĩnh Long	K28SN17-199
200	50338445	Phan Thị Thanh Ngọc	20/08/1996	Nữ	Vĩnh Long	Vĩnh Long	K28SN17-200

